

Số: 846 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa,  
tỉnh Bắc Giang, đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013;

Căn cứ Công văn số 2963/BXD-QHKT ngày 08/12/2017 và Công văn số 2401/BXD-QHKT ngày 26/9/2018 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến về đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035.

Căn cứ Công văn số 1464-CV/TU ngày 16/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc cho ý kiến đối với Đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa;

Xét đề nghị của UBND huyện Hiệp Hòa tại Tờ trình số 300/TTr-UBND ngày 07/12/2018; Sở Xây dựng tại Báo cáo số 437/BC-SXD ngày 24/12/2018,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 (kèm theo hồ sơ bản vẽ và thuyết minh), với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi lập Quy hoạch chung Đô thị Hiệp Hòa đến năm 2035 là toàn bộ phạm vi trong địa giới hành chính của huyện Hiệp Hòa, gồm thị trấn Thắng và 25 xã, diện tích tự nhiên 20.599,62 ha và được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc: Giáp huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên;
- + Phía Nam: Giáp huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- + Phía Đông: Giáp huyện Tân Yên và huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- + Phía Tây Bắc: Giáp thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;
- + Phía Tây Nam: Giáp huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Trong đó, thị trấn Thắng mở rộng, bao gồm: thị trấn Thắng, xã Đức Thắng, thôn Đức Nghiêm - xã Ngọc Sơn và thôn Chóp - xã Lương Phong đã được Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

### 1.2. Quy mô quy hoạch:

- Tổng diện tích đất tự nhiên: 20.599,62ha;
- Quy mô dân số: Tổng quy mô dân số trong phạm vi lập quy hoạch đến năm 2035 là 310.000 người. Trong đó dân số nội thị khoảng 153.000 người.

### 2. Tính chất đô thị và mục tiêu phát triển đô thị:

2.1. *Tính chất đô thị*: Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, động lực phát triển phía Tây của tỉnh Bắc Giang; là trung tâm công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, dịch vụ thương mại.

2.2. *Mục tiêu phát triển*: Đến năm 2035, Hiệp Hòa là trung tâm công nghiệp, dịch vụ ở phía Tây của tỉnh Bắc Giang, là đô thị kết hợp hiệu quả giữa các khu vực đô thị phát triển tập trung với các khu vực đô thị sinh thái vườn, có nền sản xuất nông nghiệp chất lượng cao phát triển mạnh mẽ, từng bước tham gia cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái - văn hóa cho người dân Hiệp Hòa, Thủ đô Hà Nội và vùng lân cận.

### 3. Các định hướng tạo động lực phát triển đô thị:

3.1. *Kết nối Hiệp Hòa với hệ thống giao thông liên vùng và đảm bảo lưu thông trong khu vực đô thị*:

- Xây dựng bổ sung các tuyến đường: Đường vành đai 4 Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang (đang thực hiện); Tuyến nối QL37 (Hiệp Hòa, Bắc Giang - Phổ Yên, Thái Nguyên); Tuyến QL 37 - Đoạn tránh thị trấn Thắng; Tuyến nối Lạng Giang - Tân Yên - Việt Yên - Hiệp Hòa; Tuyến trục chính Bắc - Nam (tuyến tránh ĐT295 đoạn qua khu vực các xã Đức Thắng, Thường Thắng, Danh Thắng và Bắc Lý; Tuyến nối đường vành đai 4 Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang với huyện Yên Phong (tỉnh Bắc Ninh).

- Mở rộng các tuyến đường hiện có: QL37 (đoạn qua nội thị) lên 28m; ĐT295 (đoạn qua nội thị) lên 21 - 27m, đoạn phía Nam lên 42m (qua KCN Hòa Phú - theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt); ĐT288 (đoạn qua nội thị) lên 21m; ĐT296 (đoạn qua nội thị) lên 27 - 28 m; Tuyến Tràng - Phố Hoa lên 20,5m.

- Kết nối và mở rộng một số đoạn tuyến đường hiện trạng và bổ sung các tuyến đường mới trong đô thị đảm bảo quy chuẩn và tiêu chuẩn đối với hệ thống giao thông của đô thị loại IV.

3.2. *Phát triển công nghiệp*: Khai thác giá trị về giao thông đường bộ, đường thủy; tích cực, chủ động tham gia vào vùng sản xuất công nghiệp phía Đông Bắc Thủ đô Hà nội. Tiếp tục phát triển các dự án xây dựng các khu, cụm công nghiệp đã được đầu tư hoặc đã có chủ trương phát triển (khoảng 1.500ha), bao gồm: Khu công nghiệp Hòa Phú; Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại xã Châu Minh - Mai Đình, tại xã Xuân Cẩm - Hương Lâm, tại xã Đông Lô; cụm công nghiệp (CCN) Đức Thắng; CCN Đoàn Bái; CCN Hợp Thịnh; CCN Hà Thịnh; CCN Việt Nhật; CCN Thanh Vân; CCN Đoàn Bái - Lương Phong 1; CCN Đoàn Bái - Lương Phong 2.

### 3.3. *Phát triển nông nghiệp*:

- Phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch quy mô lớn tập trung, quy mô trang trại gia đình.

- Khuyến khích phát triển dịch vụ du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch cộng đồng - tạo bản sắc bằng chất lượng dịch vụ và giá trị sinh thái đa dạng.

### 3.4. *Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch*

- Phát triển các hoạt động kinh tế dịch vụ, thương mại, logistic để hỗ trợ cho hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, phục vụ trực tiếp cho người dân đô thị và vùng phía Tây tỉnh Bắc Giang; thông qua việc xây dựng các cơ sở kinh doanh thương mại chuyên ngành, như: chợ đầu mối, chợ trung tâm, các chợ khu vực, các trung tâm thương mại tập trung.

- Xúc tiến xây dựng bến xe khách đạt tiêu chuẩn hạng 2, mở thêm các tuyến xe khách liên tỉnh và quy hoạch bổ sung hoàn thiện hệ thống bến bãi đỗ xe, các điểm đậu xe.

- Phát triển dịch vụ du lịch khai thác các công trình văn hóa lịch sử, các điểm di tích đã được xếp hạng trong sự kết nối với chuỗi du lịch liên tỉnh, cảnh quan sinh thái nông nghiệp, cảnh quan mặt nước, phục vụ cho thị trường du lịch liên tỉnh.

## 4. Định hướng phát triển không gian đô thị tổng thể:

- Xác định không gian phát triển nội thị và ngoại thị đảm bảo thúc đẩy phát triển các khu vực có tiềm năng đô thị hóa, khai thác các không gian xây dựng tập trung hiện hữu, tôn tạo các giá trị sinh thái đặc trưng và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Khu vực dự kiến phát triển nội thị gồm thị trấn Thắng và 11 xã: Đức Thắng, Hùng Sơn, Thái Sơn, Thường Thắng, Danh Thắng, Lương Phong, Đoàn Bái, Bắc Lý, Hương Lâm, Châu Minh và Mai Đình - là các xã có mật độ dân cư khá tập trung có tiềm năng phát triển đạt tiêu chuẩn phường nội thị.

- Quy hoạch hệ thống trung tâm đô thị, trung tâm khu vực theo hình thức tập trung tại một số khu vực trọng điểm: Khu vực thị trấn Thắng và phụ cận; Khu đô thị phía Nam gắn với các khu cụm công nghiệp và ĐT 295, cửa ngõ kết nối với Thủ đô Hà nội và tại một số khu vực có tiềm năng và động lực phát triển.

- Phân vùng phát triển để tận dụng các tiềm năng và cơ hội của mỗi khu vực đặc trưng trong huyện:

+ Khu I: Khu vực thị trấn Thăng và vùng phụ cận: Phát triển đô thị tập trung, mật độ khá cao, với các chức năng chính là hành chính, văn hóa thể thao, thương mại, dịch vụ đô thị và các khu ở tập trung.

+ Khu II: Các khu đô thị sinh thái nông nghiệp, được phát triển trên cơ sở đô thị hóa các xã nội thị không nằm trong các khu đô thị tập trung, gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp đô thị và cung cấp lao động cho các KCN trong Huyện.

+ Khu III: Khu đô thị tập trung gắn với các khu, cụm công nghiệp phía Nam, đồng thời là cửa ngõ kết nối Hiệp Hòa với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh.

+ Các khu IV: các xã ngoại thị; khu vực sản xuất nông nghiệp, khai thác dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái nông nghiệp.

## 5. Định hướng phát triển đối với các khu vực đô thị:

5.1. *Khu I: Thị trấn Thăng và vùng phụ cận:* Nâng cấp và mở rộng khu trung tâm hiện hữu: Quy mô vùng đô thị tập trung khoảng 1.170ha, quy mô khu vực lõi đô thị: khoảng 664ha; hoàn thiện mạng lưới đường giao thông đảm bảo kết nối với các khu vực khác; tổ chức các vườn hoa công viên; phát triển thêm khu vực trung tâm đô thị theo trục chính Bắc - Nam mở mới song song với ĐT295; quy hoạch bổ sung, mở rộng một số công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị, như: Trung tâm thể dục thể thao, trung tâm văn hóa đa năng; quy hoạch sử dụng đất trên cơ sở nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu và đan xen các khu, cụm công trình mới.

### 5.2. *Khu II: Các đô thị tập trung trong vùng đô thị sinh thái nông nghiệp*

a. *Khu vực đã có quy hoạch chung thị trấn Bách Nhãn:* Phát triển đô thị tập trung về phía Bắc ĐT296, quy mô khu vực lõi đô thị khoảng 150 ha; nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu và đan xen các khu, cụm công trình mới; hình thành trung tâm đô thị ven khu vực cảnh quan cây xanh và mặt nước; quy hoạch bổ sung một số công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị và khu vực như: Trung tâm thể dục thể thao, bệnh viện đa khoa.

b. *Khu vực đã có quy hoạch chung thị trấn Phố Hoa:* Định hướng phát triển đô thị tập trung khu vực giữa ĐT295 và đường chính đô thị quy hoạch mới. Đối với khu vực phía Đông ĐT295, cải tạo, nâng cấp các khu vực dân cư hiện hữu và tiếp tục thực hiện các khu chức năng đã có quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư; quy mô khu vực đô thị tập trung khoảng 179ha; bổ sung và hoàn thiện các tuyến đường chính đô thị: đường song song với ĐT295 về phía Tây, và các tuyến đường kết nối ngang kết nối giữa ĐT295 và trục đường chính đô thị Bắc – Nam; nâng cấp, cải tạo các khu vực dân cư hiện hữu, bổ sung một số công trình công cộng cấp đô thị và khu vực, như: bệnh viện đa khoa, trung tâm thể dục thể thao.

c. *Các khu vực đô thị tập trung thuộc khu vực các xã: Danh Thăng, Lương Phong:* Khai thác các khu vực tiếp giáp với các trục giao thông chính, nằm tại vị trí thuận lợi kết nối đến các khu dân cư hiện trạng tương đối tập trung, để tổ chức các khu đô thị tập trung với quy mô từ 40 - 70ha, có vai trò làm trung tâm cho các khu dân cư lân cận; nguyên tắc chung là ưu tiên phát triển tập trung về một phía của đường giao thông chính (thường là kết hợp làm đường đối ngoại); Phía còn lại

chủ yếu cải tạo, nâng cấp, tái phát triển các cơ sở vật chất sẵn có hoặc các khu vực đã giao đất lập dự án.

d. Các khu vực đô thị sinh thái vườn có các khu, cụm dân cư tập trung đan xen các quỹ đất dự trữ phát triển cho các chức năng đô thị: Phát triển mô hình đô thị sinh thái vườn từ quy mô hộ gia đình đến quy mô trang trại lớn, một nền nông nghiệp đô thị hiện đại, kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp sạch với khuyến khích phát triển các hoạt động du lịch sinh thái; nâng cấp hệ thống giao thông và hạ tầng đạt tiêu chuẩn phường; bổ sung và nâng cấp các tuyến đường kết nối với hệ thống giao thông chính, đầu tư cảnh quan hai bên như trồng cây bóng mát và tổ chức các điểm dừng; đảm bảo duy trì các quỹ đất sản xuất nông nghiệp đã được xác định giữ lại canh tác và đảm bảo thủy lợi, thoát nước, ổn định sản xuất trong quá trình đô thị hóa. Tổ chức một số tiện ích như đường dạo, ghế ngồi hay chòi nghỉ trong không gian sản xuất nông nghiệp.

5.3. Khu III - Khu vực đô thị tập trung phía Nam: Tổ chức một khu đô thị mới tập trung tại khu vực cửa ngõ phía Nam gần khu vực các khu - cụm công nghiệp tập trung, kết nối với các khu dân cư hiện hữu; tại các khu trung tâm tổ chức dạng tuyến phố, khu phố thương mại – dịch vụ, khuyến khích đa dạng về kích thước lô và kiến trúc công trình, tạo sự hấp dẫn cũng như đáp ứng nhu cầu linh hoạt của người dân trong từng mục đích sử dụng.

5.4. Khu IV - Khu vực các xã ngoại thị: Phát triển các xã đạt theo tiêu chí Quốc gia về Xây dựng nông thôn mới: Cung cấp giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến các khu dân cư nông thôn; duy trì và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất sạch kết hợp với các hoạt động du lịch sinh thái; tại khu vực trung tâm xã hoặc khu vực thuận lợi về giao thông, quy hoạch các điểm trung tâm phục vụ cho các cụm dân cư ngoại thị.

## 6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Quy hoạch đến năm 2035			
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ chiếm đất so với DT đất tự nhiên (%)	Tỷ lệ chiếm đất so với DT đất XD đô thị (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên (A+B)</b>	<b>20.599,6</b>			
<b>A</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên khu vực dự kiến phát triển nội thị</b>	<b>10.306,9</b>	<b>100,0</b>		
<b>A.I</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>	<b>4.401,2</b>	<b>42,7</b>	<b>100,0</b>	<b>287,7</b>
	<i>Đất xây dựng đô thị (không bao gồm các khu công nghiệp tập trung)</i>	<b>3.616,0</b>			<b>236,3</b>
<b>1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>3.490,5</b>		<b>79,3</b>	<b>228,1</b>
1.1	Đất công trình công cộng đô thị	58,1		1,3	3,8
1.2	Đất cây xanh công cộng, TĐTT đô thị	146,8		3,3	9,6

TT	Loại đất	Quy hoạch đến năm 2035			
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ chiếm đất so với DT đất tự nhiên (%)	Tỷ lệ chiếm đất so với DT đất XD đô thị (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
1.3	Đất trung tâm đa chức năng phát triển trên cơ sở các khu vực đô thị hiện trạng cải tạo	358,8		8,2	23,5
1.4	Đất trung tâm đa chức năng phát triển mới	277,0		6,3	18,1
1.5	Đất khu dân cư hiện trạng trong khu vực phát triển đô thị tập trung	1.767,5		40,2	115,5
1.6	Đất đa chức năng phát triển mới mật độ linh hoạt	421,3		9,6	27,5
1.7	Đất giao thông chính đô thị	460,9		10,5	30,1
<b>2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>910,7</b>		<b>20,7</b>	
2.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	785,2		17,8	
2.3	Đất giao thông đối ngoại	125,5		2,9	
<b>A.II</b>	<b>Đất khác</b>	<b>5.905,8</b>	<b>57,3</b>		
1	Đất quốc phòng, an ninh	73,7			
2	Đất tôn giáo, di tích	30,6			
3	Du lịch sinh thái ven sông	49,8			
4	Đất nghĩa trang, xử lý CTR, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	70,8			
5	Đất nông nghiệp công nghệ cao	65,3			
6	Đất nông nghiệp - dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị	1.773,4			
7	Đất dự trữ - ưu tiên phát triển công nghiệp	347,1			
8	Đất cây xanh đô thị hoặc cây xanh sinh thái nông nghiệp, thủy lợi (đảm bảo mạch thoát nước)	721,6			
9	Đất sản xuất nông nghiệp (đảm bảo mạch thoát nước)	2.349,0			
10	Đất cây xanh cách ly	140,9			
11	Mặt nước cảnh quan	283,7			
<b>B</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên khu vực ngoại thị</b>	<b>10.292,7</b>	<b>100,0</b>		
<b>B.I</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>2.946,6</b>	<b>28,6</b>		
1	Đất trung tâm ngoại thị phát triển trên cơ sở các khu chức năng hiện trạng cải tạo	110,6			

TT	Loại đất	Quy hoạch đến năm 2035			
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ chiếm đất so với DT đất tự nhiên (%)	Tỷ lệ chiếm đất so với DT đất XD đô thị (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
2	Đất trung tâm khu vực phát triển mới	48,4			
3	Đất làng xóm hiện trạng cải tạo	2.207,4			
4	Đất khu ở mới trong khu vực ngoại thị	128,3			
5	Đất giao thông chính	451,9			
<b>B.II</b>	<b>Đất khác</b>	<b>7.346,1</b>	<b>71,4</b>		
1	Đất an ninh, quốc phòng	96,1			
2	Đất di tích, tôn giáo	25,6			
3	Đất sản xuất công nghiệp	673,6			
4	Đất du lịch sinh thái ven sông	42,6			
5	Đất công viên sinh thái nông nghiệp	23,00			
6	Đất dự trữ - ưu tiên phát triển công nghiệp	171,4			
7	Đất cây xanh cách ly	106,7			
8	Đất nghĩa trang, xử lý CTR, công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật	96,4			
9	Đất giao thông đối ngoại	114,7			
10	Đất nông nghiệp - dự trữ xây dựng các khu chức năng ngoại thị	207,3			
11	Đất nông nghiệp công nghệ cao	416,9			
12	Đất sản xuất nông nghiệp (đảm bảo mạch thoát nước)	4.969,9			
13	Mặt nước (mặt nước hồ, sông, suối, mặt nước thủy lợi, nuôi trồng thủy sản, mặt nước chuyên dùng)	402,0			

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Định hướng hệ thống giao thông

7.1.1. Giao thông đối ngoại:

a) Đường bộ:

- Nâng cấp, duy tu cải tạo QL37 và hệ thống ĐT295, ĐT296 và ĐT288, cụ thể:

+ QL 37: Đoạn qua khu vực nội thị mở rộng 28m, đoạn đi ngoài khu vực nội thị 18m, hành lang bảo vệ mỗi bên 13m.

+ ĐT295: Đoạn từ trung tâm thị trấn Thắng đến nút giao với QL 37 mở rộng thành 21m. Đoạn từ nút giao với QL 37 đến xã Châu Minh mở rộng thành 27m, đoạn từ xã Châu Minh đến cầu Đông Xuyên rộng 42m. Đoạn từ trung tâm thị trấn Thắng đi Tân Yên, quy hoạch mở rộng đạt 21m.

+ ĐT296: Đoạn từ trung tâm thị trấn Thắng đến nút giao với QL 37 mở rộng 28m. Đoạn từ nút giao với QL 37 đến Cầu Vát mở rộng 27m.

+ ĐT288: Mở rộng đoạn qua khu vực nội thị lên 21m, đoạn đi ngoài khu vực nội thị rộng 12m và hành lang bảo vệ mỗi bên 9m.

+ Nâng cấp Tuyến Tràng - Phố Hoa thành tuyến đường tỉnh (theo QH GTVT tỉnh Bắc Giang): Giai đoạn đầu nâng cấp mở rộng mặt cắt ngang toàn tuyến 12m, hành lang bảo vệ mỗi bên 9m. Giai đoạn dài hạn mở rộng đoạn đi qua khu vực nội thị lên 20,5m.

- Xây dựng mới các tuyến đường đối ngoại nhằm tăng khả năng kết nối với hệ thống giao thông trong tỉnh và liên vùng. Cụ thể:

+ Xây dựng mới tuyến từ QL37 đi Phố Yên (Hiệp Hòa, Bắc Giang - Phố Yên, Thái nguyên), chiều dài toàn tuyến khoảng 11km, theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, mặt cắt ngang 24m, hành lang bảo vệ mỗi bên 13m.

+ Xây dựng mới tuyến QL37 tránh về phía Đông trung tâm thị trấn Thắng: Chiều dài toàn tuyến khoảng 7,6km. Giai đoạn đầu mặt cắt ngang đường 12m, hành lang bảo vệ mỗi bên 13m. Giai đoạn dài hạn, đoạn qua khu vực nội thị mở rộng mặt cắt lên 24m.

+ Xây dựng mới tuyến nối cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1384/QĐ-UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 11/8/2017), theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, với vận tốc thiết kế là 80km/h, mặt cắt ngang toàn tuyến là 12m (hành lang bảo vệ mỗi bên 24m, tổng lộ giới 60m). Quy hoạch bổ sung một số nội dung liên quan đến tuyến đường này như sau:

\* Đoạn qua khu vực nội thị: Tại các khu vực có xây dựng các khu chức năng đô thị và dân cư (bao gồm cả dân cư hiện trạng), tổ chức đường gom rộng 18m mỗi bên (phần đường xe chạy rộng 11m – cho phép lưu thông 2 chiều ở mỗi đường gom; dải phân cách với phần đường đối ngoại 2,0m và vỉa hè phía khu chức năng đô thị và dân cư 5m); Phần đường đối ngoại còn lại là 24m, dự phòng để mở rộng đường trong tương lai - khi mật độ lưu thông gia tăng (có thể mở rộng lên 24m, gồm: phần đường xe chạy 2x10,5m và dải phân cách giữa 3m);

\* Đoạn qua khu vực ngoại thị: Phần đường đối ngoại dự phòng để mở rộng đường trong tương lai, khi mật độ lưu thông gia tăng (lên 24m, gồm: nền đường 2x10,5m và dải phân cách giữa 3m); Hành lang bảo vệ mỗi bên là 18m;

\* Tổ chức nút giao của tuyến đường nối cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên và Hà Nội - Lạng Sơn với các tuyến đường chính đô thị. Bao gồm: 02 nút giao lập thể với ĐT295 và với ĐT288 (nắn tuyến mới) và 05 nút giao trực thông.

+ Mở mới Tuyến nối Lạng Giang - Tân Yên - Việt Yên - Hiệp Hòa thành tuyến đường tỉnh (Theo QH GTVT tỉnh Bắc Giang): mặt cắt 12m, hành lang bảo vệ mỗi bên 13m.

*b) Đường thủy:*



- Luồng tuyến: Thực hiện giải tỏa và duy tu luồng lạch tuyến sông Cầu để phù hợp với Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: Toàn tuyến đạt cấp III với chiều sâu mớn nước >2,8 m, chiều rộng luồng >40 m.

- Cảng sông: Giai đoạn dài hạn dự kiến xây dựng mới 03 bến cảng nội vùng để phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa cho 03 khu công nghiệp (Hòa Phú; Châu Minh - Mai Đình và Xuân Cẩm - Hương Lâm). Công suất dự kiến 100.000T/năm, cỡ tàu lớn nhất có thể ra vào 200 tấn.

#### 7.1.2. Công trình giao thông:

- Tiếp tục nâng cấp hoàn thiện bến xe khách phía Nam thị trấn Thăng đạt tiêu chuẩn bến xe loại 2.

- Xây dựng thêm 04 bến xe trên các tuyến đường đối ngoại, với chức năng trong giai đoạn đầu là các điểm đưa đón công nhân, giai đoạn dài hạn nâng cấp thành các bến xe liên tỉnh kết hợp làm điểm đón công nhân. Cụ thể: tại ĐT295 (phía Đông Nam nút giao giữa ĐT295 và đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội Lạng Sơn: quy mô khoảng 3ha); tại ĐT296 (xã Đại Thành: quy mô khoảng 2,4ha) và tại ĐT288 (phía Đông Nam nút giao giữa ĐT288 và đường Tràng Phố Hoa: quy mô khoảng 2ha); Quốc lộ 37 (xã Thanh Vân: quy mô khoảng 2,0 ha).

- Xây dựng thêm 03 điểm đưa đón công nhân trên các tuyến đường đối ngoại như Quốc lộ 37, ĐT 295 (trên cơ sở vị trí các điểm đưa đón công nhân hiện trạng đã có).

#### 7.1.3. Giao thông đô thị:

##### a) Đường bộ:

Nâng cấp cải tạo, kết hợp xây dựng mới các tuyến đường trục chính đô thị, đường liên khu vực theo hướng Bắc – Nam và Đông - Tây, tạo thành mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh trong đô thị. Cụ thể:

- Xây dựng mới tuyến đường trục chính Bắc - Nam: Mặt cắt ngang đường rộng 27m: lòng đường 2x8,5m, vỉa hè 2x5m.

- Hoàn thiện Tuyến đường Vành đai 1 thị trấn Thăng, tổng chiều dài khoảng 4,7km. Mặt cắt ngang đường rộng 21m (lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m).

- Xây dựng mới tuyến đường Vành đai 2 khu vực thị trấn Thăng và phụ cận, tổng chiều dài khoảng 12,3km. Mặt cắt ngang đường rộng 27m: lòng đường 15m, vỉa hè mỗi bên 6m.

- Xây dựng mới tuyến đường trục chính theo hướng Đông – Tây từ QL37 đi Cầu Vát, tổng chiều dài khoảng 12,5km, mặt cắt ngang đường rộng 30m: lòng đường 2x8,5m, dải phân cách 3m, vỉa hè 2x5m.

- Xây dựng mới tuyến đường liên khu vực theo hướng Đông – Tây, tổng chiều dài khoảng 14km: Mặt cắt ngang đường rộng 21m: lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m.

- Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên xã Thường Thắng, Mai Trung, Xuân Cẩm, Hương Lâm - Tuyến đường N3 thành 21m: lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m. Tổng chiều dài toàn tuyến 6,6km.

- Xây dựng mới tuyến đường liên khu vực từ Trung tâm thị trấn Thắng qua Thái Sơn đi Phổ Yên: mặt cắt ngang đường rộng 21m: lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m. Tổng chiều dài toàn tuyến 2,8km.

- Xây dựng mới tuyến đường liên khu vực theo hướng Bắc - Nam từ trung tâm thị trấn Thắng đến khu công nghiệp Hòa Phú, mặt cắt ngang đường rộng 21m: lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m. Tổng chiều dài toàn tuyến 12km.

- Xây dựng mới tuyến đường liên khu vực theo hướng Bắc - Nam, mặt cắt ngang đường rộng 21m: lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m. Tổng chiều dài toàn tuyến 5,9km.

- Xây dựng mới tuyến đường liên khu vực, mặt cắt ngang đường rộng 21m: lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m. Tổng chiều dài toàn tuyến 5,5km.

- Xây dựng mới tuyến đường chính khu vực nối ĐT 295 với QL37 mặt cắt ngang đường rộng 21m: lòng đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4,5m. Tổng chiều dài toàn tuyến 5,5km.

- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường hiện trạng từ ĐT 296 đi núi Ia, từ 6m lên 15m, lòng đường 9m, vỉa hè mỗi bên 3m.

- Nâng cấp tuyến đường đê Sông Cầu: Mặt cắt ngang đường rộng 10m; Hành lang bảo vệ đoạn đi trong khu dân cư là 5m tính từ chân đê, đoạn đi ngoài khu dân cư là 25m tính từ chân đê.

#### *b) Các công trình phục vụ giao thông:*

- Cầu, công: Nâng cấp cầu công phù hợp với cấp hạng các tuyến đường.

- Xây dựng mới cầu Đại An kết nối khu vực xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa với huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Xây dựng mới cầu Yên Hòa trên tuyến ĐT 288 kết nối huyện Hiệp Hòa với huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Xây dựng mới cầu Hòa Yên trên tuyến từ QL37 kết nối huyện Hiệp Hòa với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

#### *c) Giao thông ngoại thị:*

- Nâng cấp mở rộng các tuyến đường liên xã. Quy mô mặt cắt 9-12m, đồng thời chỉnh trang các tuyến đường cấp phối hiện trạng, đảm bảo 100% các tuyến đường được bê tông hóa.

- Cải tạo nâng cấp và xây dựng bổ sung các tuyến đường giao thông nông thôn theo quy hoạch nông thôn mới.

#### *d) Giao thông công cộng:*

- Ngoài 02 tuyến xe buýt Hiệp Hòa – Bắc Giang và Hiệp Hòa – Gia Lâm hiện có, xây dựng, bố trí thêm các tuyến giao thông công cộng (xe buýt): đi Phở Yên (Thái Nguyên), Việt Yên, Tân Yên dựa trên các tuyến đường giao thông chính.

- Tổ chức giao thông công cộng nội thị bằng xe buýt trên các tuyến vòng cung và trục chính, nâng cao chất lượng vận tải taxi để đáp ứng nhu cầu.

### 7.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

a) *San nền*: Các khu vực đã xây dựng cơ bản giữ nguyên địa hình tự nhiên, khi cải tạo và xây dựng công trình mới, chỉ san lấp cục bộ. Cao độ xây dựng của các khu vực phát triển mới được khống chế phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên và các điều kiện về thoát nước.

#### b) *Thoát nước mưa*:

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Khu vực trung tâm, tập trung đông dân cư xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

+ Các khu vực còn lại xây dựng hệ thống thoát nước chung.

- Lưu vực và hướng thoát nước: Chia thành 3 lưu vực chính, tận dụng hệ thống ngòi thoát nước hiện trạng và hệ thống trạm bơm thoát nước hiện có và quy hoạch nâng cấp, đảm bảo hệ thống thoát nước nhanh và thoát hết.

#### c) *Các giải pháp kỹ thuật khác*:

- Kè khe tự thủy, kè sông Cầu tránh xói lở, lũ quét. Ưu tiên giải pháp kè sinh thái hoặc sử dụng vật liệu kè thân thiện với cảnh quan môi trường, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và cảnh quan đô thị.

- Đảm bảo hành lang cách ly khe tự thủy 5m.

- Gia cố những đoạn đê trên nền đất yếu.

- Đảm bảo hành lang bảo vệ đê đoạn qua khu dân cư là 5m, đoạn đi ngoài khu dân cư là 25m.

- Xây dựng chỉ giới thoát lũ được xác định đi theo tuyến đê chính, với chiều rộng bình quân khu vực Hiệp Hòa là 320m theo quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### 7.3. Định hướng cấp nước:

a) *Nguồn nước*: Chủ yếu sử dụng nguồn nước mặt sông Cầu; nước ngầm hiện đang sử dụng cho nhà máy nước xã Quang Minh, xã Xuân Cầm; trong tương lai, nghiên cứu bổ sung hoặc thay thế bằng nguồn nước sông Cầu.

#### b) *Công trình đầu mối*:

- Nâng công suất NMN Thái Sơn lên 14.000 m<sup>3</sup>/ngđ, nguồn nước sông Cầu.

- Xây dựng mới NMN tại xã Đồng Tân; công suất dự kiến 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Xây dựng mới NMN tại xã Đại Thành; công suất dự kiến 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Xây dựng mới NMN tại xã Đông Lỗ, công suất dự kiến 7.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Mở rộng công suất NMN Xuân Cầm, công suất dự kiến 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Xây dựng mới NMN Mai Đình, công suất dự kiến 10.000 m<sup>3</sup>/ngđ.
- Nâng công suất NMN Quang Minh, nguồn nước sử dụng hiện tại là nước ngầm, tương lai có thể nghiên cứu bổ sung hoặc thay thế bằng nguồn nước sông Cầu, công suất dự kiến 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Xây dựng trạm cấp nước cục bộ cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại xã Mai Đình, Hợp Thịnh, Thanh Vân.

c) *Mạng lưới đường ống*: Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế dạng mạng vòng (đảm bảo an toàn cấp nước), kết hợp mạng cụt dạng cành cây, có đường kính Ø110mm-Ø500mm để đảm bảo cấp nước bao phủ toàn bộ khu vực thiết kế.

#### 7.4. Định hướng cấp điện:

- Giai đoạn ngắn hạn 2025: 96 MW tương đương với 106 MVA.

- Giai đoạn dài hạn 2035: 294 MW tương đương với 326 MVA.

##### a) Chỉ tiêu cấp điện:

- Cấp điện sinh hoạt: 200-330W/người.

- Cấp điện công cộng, dịch vụ: 30% điện sinh hoạt;

- Cấp điện công nghiệp: 150-300kw/ha;

- Cấp điện nông nghiệp: 300W/ha.

b) *Nguồn điện*: Nguồn điện cấp cho khu vực nghiên cứu là hệ thống điện quốc gia khu vực miền Bắc, thông qua trạm biến áp 500kV Hiệp Hòa; 220kV Hiệp Hòa và các trạm 110kV trong khu vực:

- Trạm 220KV: Nâng công suất Trạm 220/110KV Hiệp Hòa từ 250MVA lên thành 2x250MVA.

- Trạm 110KV:

- + TBA 110/35/22kV Đức Thắng công suất 2x40MVA: Tiếp tục bảo dưỡng, vận hành hiệu quả.

- + TBA 110/35/22kV Sông Cầu công suất 1x40MVA; Giai đoạn sau năm 2020 nâng công suất trạm 110kV Sông Cầu thành 2x40MVA.

- + Xây dựng mới TBA 110/35/22kV Hợp Thịnh (Nằm cạnh trạm 500kV) công suất 1x63MVA, cấp điện chính cho CCN Hà Thịnh.

##### c) *Lưới điện*:

- *Lưới điện cao thế*: Đảm bảo hành lang an toàn lưới điện cao thế cho các tuyến đường dây 500kV, 220KV, 110KV hiện có theo đúng quy định của pháp luật. Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV kết nối trạm 110kV Sông Cầu và Đức Thắng.

- *Lưới trung thế*: Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các tuyến trung thế hiện có, sau khi đã duy tu bảo dưỡng. Giai đoạn dài hạn, một phần lưới trung thế hiện có sẽ được dịch chuyển cho phù hợp với giao thông quy hoạch, một phần sẽ được dỡ bỏ. Kết hợp xây dựng mới các tuyến 22kV, kết nối mạch vòng để cấp điện cho các phụ tải trong khu vực.

- *Lưới 0.4 KV*:

+ Hệ thống điện hạ thế thống nhất sử dụng cấp điện áp 380/220V ba pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp.

+ Lưới điện hạ thế có bán kính cấp điện không quá 300m trong đô thị, không quá 500m phạm vi ngoài đô thị

- *Lưới chiếu sáng đường*: Tất cả các đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 3m trở lên đều được chiếu sáng.

- *Trạm hạ thế*:

+ Trạm hạ thế trong các khu, cụm công nghiệp tuân thủ theo thiết kế về quy mô và vị trí theo từng nhà máy cụ thể.

+ Trong các khu dân cư, đô thị xây mới, sử dụng trạm kín để đảm bảo mỹ quan đô thị. Quy mô chiếm đất các trạm trong khoảng 20-40m<sup>2</sup>, đặt tại các vị trí cây xanh và trong các công trình có phụ tải lớn.

7.5. *Định hướng thoát nước thải, vệ sinh môi trường*:

a) *Thoát nước thải*:

- Sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp. Khu vực trung tâm, tập trung đông dân cư, xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Các khu vực còn lại xây dựng hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải sinh hoạt đô thị: được thu gom theo nguyên tắc tự chảy, đưa về trạm XLNT tập trung và các bể xử lý nước thải quy mô nhỏ. Nước thải sau xử lý đạt giới hạn theo quy chuẩn về môi trường sẽ thoát ra ngoài môi trường.

- Nước thải công nghiệp cần được làm sạch theo hai bước: xử lý cục bộ trong nhà máy để làm sạch nước, sau đó làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung của khu công nghiệp đạt tới giới hạn theo quy chuẩn về môi trường trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Nước thải tiểu thủ công nghiệp, các xí nghiệp phân tán phải xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải y tế phải được xử lý đạt quy chuẩn về môi trường trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

b) *Quản lý chất thải rắn (CTR)*:

- Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom, bố trí các trạm trung chuyển để tiếp nhận và vận chuyển chất thải rắn đưa về khu xử lý CTR tập trung của huyện đặt tại xã Đông Lễ, quy mô khoảng 15 ha. Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh, giai đoạn 2 xây dựng dây chuyền chế biến phân hữu cơ và sử dụng lò đốt với các chất thải rắn khó phân hủy.

- Khu xử lý CTR phải có dải cây xanh cách ly. Bãi chôn lấp phải được chống thấm, có khu xử lý nước rác và phải tuân theo mọi quy định về bảo vệ môi trường của khu xử lý CTR.

- Bố trí 3 trạm trung chuyển CTR cố định cỡ vừa, diện tích mỗi trạm 0,5ha.

- CTR y tế: Giai đoạn đầu tiếp tục xử lý CTR y tế bằng lò đốt. Giai đoạn sau, CTR y tế từ bệnh viện đa khoa Hiệp Hoà sẽ được thu gom và vận chuyển về cụm xử lý tập trung tại 3 cụm công trình hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại.

*c) Quy hoạch nghĩa trang:*

- Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly và tiến tới đóng cửa, di dời các khu nghĩa trang nhỏ lẻ phân bố rải rác trong khu vực nghiên cứu về nghĩa trang tập trung của khu vực.

- Mở rộng 04 nghĩa trang tại các xã Châu Minh, Quang Minh, Hoàng Vân và Ngọc Sơn phục vụ cho các cụm xã/thị trấn.

- Xây dựng nhà tang lễ quy mô dự kiến 1,0 - 2,0ha tại khu vực xã Ngọc Sơn.

*7.6. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc:*

*a) Hệ thống viễn thông:*

- Nâng cao chất lượng truyền dẫn cáp quang, tiếp tục đầu tư các tuyến cáp quang mới và hoàn thiện những mạch vòng, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, Internet băng thông rộng...

- Hạ ngầm các loại cáp trên đường phố và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác, để tiết kiệm chi phí khi thi công;

*b) Hệ thống bưu chính:* Nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng các dịch vụ sẵn có phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người dân và các cơ quan, doanh nghiệp, .....

**8. Các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu - đến năm 2025:**

*a) Các dự án giao thông:*

- Xây dựng mới tuyến đường vành đai 4 Hà Nội đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Giang (đường nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn).

- Cải tạo nâng cấp đường QL37 hiện trạng; Xây dựng mới Quốc lộ 37 đoạn Hiệp Hòa, Bắc Giang - Phở Yên, Thái nguyên; đoạn tránh thị trấn Thắng.

- Xây dựng mới tuyến đường trục chính đô thị Bắc – Nam: Từ Khu dân cư số 3 (phía Tây Nam thị trấn Thắng) đến đường vành đai 4 Hà Nội (xã Hương Lâm).

- Xây dựng mới tuyến đường vành đai 1, vành đai 2 thị trấn Thắng; tuyến đường nối ĐT 296 với đường vành đai 4 Hà Nội; tuyến đường trục chính theo hướng Đông - Tây: Từ QL37 đi Cầu Vát; tuyến đường nối đường vành đai 4 Hà Nội - huyện Yên Phong.

- Xây dựng mới 03 bãi đỗ xe đón công nhân, tại các khu vực cửa ngõ ĐT295, ĐT296 và ĐT288.

*b) Các dự án xây dựng các khu - cụm công nghiệp:*

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú. Xây dựng mới các Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ: Châu Minh - Mai Đình; Hương Lâm - Xuân Cẩm; Đông Lỗ.

- Đầu tư xây dựng các Cụm công nghiệp: Hà Thịnh, Việt Nhật, Thanh Vân, Đoàn Bái - Lương Phong 1, Đoàn Bái - Lương Phong 2 và Đoàn Bái giai đoạn 2.

*c) Các dự án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ du lịch văn hóa - sinh thái:*

- Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Quang Minh, Lương Phong, Xuân Cẩm và Đông Lỗ.

- Khu du lịch sinh thái núi Y Sơn.

*d) Các dự án xây dựng và phát triển dịch vụ, du lịch:*

- Khu vực trung tâm và khu phố thương mại dịch vụ hồ Thống Nhất.

- Chợ đầu mối - trung tâm thương mại khu vực phía Tây Nam nút giao giữa ĐT 295 với đường nối hai cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên và Hà Nội - Lạng Sơn.

- Trung tâm và khu phố thương mại dịch vụ Đoàn Bái – Lương Phong (vị trí tiếp giáp với QL 37 và ranh giới huyện Việt Yên).

- Trung tâm và khu phố thương mại dịch vụ Thanh Vân; thôn Chóp, xã Lương Phong; Mai Đình; xã Hùng Sơn; xã Bắc Lý

- Tuyến phố đô thị mới Bắc - Nam nối từ Khu dân cư số 3 (phía Tây Nam thị trấn Thắng) đến ĐT 295 (khu vực quy hoạch phát triển Phố Hoa).

*e) Các dự án xây dựng các khu đô thị mới:*

- Phát triển các khu vực đô thị mới tại một số quỹ đất đan xen trong khu vực thị trấn Thắng và vùng phụ cận.

- Khu đô thị, du lịch sinh thái tại Thị trấn Thắng, xã Ngọc Sơn, xã Lương Phong.

- Khu vực dân cư mới xã Hương Lâm.

- Khu vực dân cư phát triển mới xã Mai Đình (gần Khu công nghiệp Hòa Phú).

*g) Các dự án thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Thoát nước thải: Xây dựng mạng lưới cống thoát nước thải cho khu vực thị trấn Thắng các xã Hùng Sơn, Thường Thắng, Đức Thắng, Danh Thắng và xây dựng các bể xử lý Bastaf số 1, số 2, số 7, số 8, số 10, số 12 và số 17.

- Xử lý chất thải rắn: Đầu tư xây dựng dây chuyền phân loại và bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh cho khu xử lý tập trung; xây dựng các trạm trung chuyển và dây chuyền sản xuất phân hữu cơ.

- Nghĩa trang:

+ Khoanh vùng vị trí mở rộng các nghĩa trang, bố trí khu vực cách ly, bố trí khu vực cát táng, hậu hỏa táng.

+ Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu vực hung táng, mở rộng khu vực cát táng và hậu hỏa táng.

*h) Các dự án thoát nước:*

- Xây dựng khoảng 600m cống hộp 1.000x1.000mm và 1.300m cống hộp 2.000x2.000mm trên đường ĐT 296, thoát về ngòi tiêu Cầu Trang thay thế cho hệ thống mương nắp đan 600x600 hiện trạng.

- Nạo vét, cải tạo và nâng cấp ngòi Cầu Trang, và ngòi Lũ để thoát nước mưa cho thị trấn Thắng và vùng phụ cận.

*i) Các dự án xây dựng công trình hạ tầng xã hội:*

- Bệnh viện đa khoa, trung tâm thể dục thể thao xã Bắc Lý.

- Trung tâm thể dục thể thao phía Nam khu đô thị phía Nam thị trấn Thắng.
- Các công viên - vườn hoa - quảng trường:
  - + Công viên, quảng trường phía Nam Khu dân cư số 3;
  - + Công viên, quảng trường phía Đông Nam thị trấn, thuộc khu vực phát triển đô thị mới tiếp giáp với đường vành đai 1 của khu vực trung tâm đô thị (thị trấn Thắng mở rộng);
  - + Khu công viên sinh thái núi Ia.

k) *Đầu tư nâng cấp và công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V hoặc tiêu chuẩn phường đối với các xã và khu vực:*

- Năm 2019: khu vực Bách Nhân và Phố Hoa.
- Năm 2020: xã Danh Thắng.
- Giai đoạn 2021-2025: 2 - 3 xã trong khu vực quy hoạch phát triển nội thị.

9. Đánh giá môi trường chiến lược: Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, việc quy hoạch, đầu tư xây dựng các đô thị mới nhằm hạn chế những tồn tại, đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài.

10. Các nội dung khác: Theo Hồ sơ Đồ án Quy hoạch đã thẩm định.

**Điều 2.** UBND huyện Hiệp Hòa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** ↓

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng QHKT – Sở Xây dựng (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, XD.Trung.

**Bản điện tử:**

- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn